

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: 54/2024/DS - ST

Ngày: 28/5/2024

V/v: “Tranh chấp hợp đồng
tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Thẩm

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Đặng Minh Lý
- Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Quyết – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Diệp Ngọc Dinh – Kiểm sát viên.

Vào ngày 28 tháng 5 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 109/2024/TLST-DS ngày 20 tháng 02 năm 2024 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2024/QĐXX-DS ngày 15 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 51/2024/QĐHPT-DS ngày 06/5/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP N, số A, đường T, phường L, quận H, Thành phố Hà Nội (ngân hàng V).

Người đại diện theo ủy quyền là: Ông Bùi Hữu T, sinh năm 1981, Ông Mai Thanh H, sinh năm 1991, ông Phạm Nhật P, sinh năm 1981, bà Nguyễn Thị Phương A, sinh năm 1983, địa chỉ: 1 Đại lộ B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

2. Bị đơn: Bà Trần Thị C, sinh năm 1957; địa chỉ: B, tổ D, khu phố G, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/01/2024, bản tự khai ngày 27/5/2024, quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Bùi Hữu T trình bày:

Bà Trần Thị C thiết lập mối quan hệ vay vốn với ngân hàng V Chi nhánh B từ ngày 29/12/2022. Ngân hàng V Chi nhánh B đã cấp tín dụng cho bà Trần Thị C (khách hàng) dưới hình thức cho vay có tài sản bảo đảm theo Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn/Đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng (Hợp đồng), cụ thể như sau: 475/22/TD/BDS.KC ngày 28/12/2022 với số tiền 2.500.000.000 đồng. Thẻ tín dụng V02800872061 với số tiền 50.000.000 đồng.

Tài sản bảo đảm là 02 quyền sử dụng đất của Khách hàng theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 475/22/TC/BDS.KC ngày 28/12/2022 trị giá 4.860.012.000 đồng, cụ thể như sau:

Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CU 038919, số vào sổ cấp GCN: CS08644 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 13/01/2020, cập nhật biến động gần nhất ngày 14/12/2022.

Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 544666, số vào sổ cấp GCN: CS05065 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 29/09/2016, cập nhật biến động gần nhất ngày 14/12/2022.

Quá trình vay tiền bà C không trả gốc và lãi theo thỏa thuận. Nay ngân hàng yêu cầu như sau:

Tuyên buộc Bà Trần Thị C phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng V toàn bộ số tiền tạm tính (do nợ lãi và phí vẫn tiếp tục phát sinh) đến hết ngày 17/01/2024 là 2.451.486.422 đồng (bằng chữ: Hai tỷ bốn trăm năm mươi một triệu bốn trăm tám mươi sáu ngàn bốn trăm hai mươi hai đồng), trong đó:

- + Nợ gốc: 2.353.374.038 đồng.
- + Nợ lãi: 97.029.516 đồng
- + Lãi, phí phạt do quá hạn: 1.082.868 đồng

Tuyên buộc bà Trần Thị C phải tiếp tục trả lãi và phí phát sinh sau ngày 17/01/2024 cho đến ngày thực tế bà Trần Thị C trả hết nợ cho ngân hàng V theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 475/22/TD/BDS.KC ngày 28/12/2022 và Đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng.

Tuyên trong trường hợp bà Trần Thị C không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án/quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì ngân hàng V thông qua ngân hàng V Chi nhánh B có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm của bà Trần Thị C theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 475/22/TC/BDS.KC ngày 28/12/2022 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Tuyên trong trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho VCB thì VCB thông qua VCB Chi nhánh B có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà Trần Thị C để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

*** Quá trình giải quyết bị đơn bà Trần Thị C trình bày:** Tòa án ban hành và tổng đạt hợp lệ Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, các giấy triệu tập tham gia phiên tòa, các văn bản tố tụng khác nhưng bị đơn cũng không đến Tòa án tham gia phiên tòa sơ thẩm. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và quy định tại Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa xét xử vắng mặt bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa phát biểu: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đầy đủ, đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng theo quy định pháp luật. Kiểm sát viên không có ý kiến cũng như kiến nghị sửa chữa, bổ sung gì thêm về phần thủ tục. Về nội dung, căn cứ theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, do đó, căn cứ Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Bị đơn bà Trần Thị C vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Hợp đồng cho vay số 475/22/TD/BDS.KC ngày 28/12/2022 và Hợp đồng thế tín dụng V02800872061 ngày 28/12/2022, thể hiện ý chí tự nguyện thỏa thuận của hai bên, không trái pháp luật, không vi phạm đạo đức xã hội nên phát sinh hiệu lực. Quá trình thực hiện hợp đồng, Ngân hàng TMCP N đã giải ngân cho bà Trần Thị C theo Giấy nhận nợ ngày 29/12/2022, ủy nhiệm chi ngày 29/12/2022 và Hợp đồng sử dụng thẻ V02800872061 ngày 28/12/2022.

- Hợp đồng cho vay số 475/22/TD/BDS.KC ngày 28/12/2022 với theo Giấy nhận nợ ngày 29/12/2022, ủy nhiệm chi ngày 29/12/2022, số tiền cho vay: 2.500.000.000 đồng, số tiền giải ngân: 2.500.000.000 đồng, ngày giải ngân: 29/12/2022, như vậy có đủ căn cứ bà C đã nhận 2.500.000.000 đồng, mục đích sử dụng vốn: Sửa chữa nhà, thời hạn cho vay: 120 tháng, lãi suất cho vay:

14,2%/năm. Các bên thỏa thuận trả mỗi tháng một kỳ, từ kỳ 01 đến kỳ 119 trả mỗi kỳ là 20.800.000 đồng, kỳ 120 là 24.800.000 đồng.

Ngày 29/12/2032 là hết thời hạn của hợp đồng vay, đến ngày 06/8/2023 bà C vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi nên nguyên đơn được quyền khởi kiện yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ thanh toán trước khi kết thúc hợp đồng theo thỏa thuận của các bên tại Điều 10 Bản Điều Khoản và Điều kiện cấp tín dụng là phù hợp.

Đến ngày 28/5/2024, bà C đã trả được nợ gốc là 207.200.000 đồng. Tính đến ngày 28/5/2024, bà C còn phải thanh toán cho ngân hàng theo hợp đồng cho vay số 475/22/TD/BDS.KC ngày 28/12/2022 số tiền nợ gốc là 2.292.800.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng bà C đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận tại hợp đồng cho vay số 475/22/TD/BDS.KC ngày 28/12/2022 nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà C phải thanh toán các nợ gốc 2.292.800.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

- Hợp đồng thẻ tín dụng: Loại thẻ: Visa Gold, ngày phát hành: 30/12/2022, ngày hết hạn: 12/2027, hạn mức tín dụng: 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng). Lãi suất cho vay được thay đổi theo từng thời kỳ, công thức tính lãi thẻ = (số dư thực tế x số ngày duy trì số dư thực tế x lãi suất tính lãi)/365 và phí không thanh toán đủ số tiền thanh toán tối thiểu = 3% x giá trị thanh toán tối thiểu chưa thanh toán (tối thiểu 100.000 đồng).

Đến ngày 28/5/2024, bà C còn phải thanh toán cho ngân hàng theo dư nợ hợp đồng thẻ tín dụng V02800872061 tiền gốc là 40.574.038 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng thẻ, bà Trần Thị C đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận tại hợp đồng thẻ tín dụng V02800872061 nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị C phải thanh toán nợ gốc 40.574.038 đồng là có cơ sở.

Đối với yêu cầu thanh toán tiền lãi và phí:

Đối với hợp đồng cho vay: Tính lãi từ ngày 06/8/2023 đến ngày 28/5/2024, tổng số tiền lãi là 176.802.329 đồng, trong đó lãi 174.242.576 đồng, lãi phạt: 2.559.753 đồng, là đúng thỏa thuận trong hợp đồng cho vay số 475/22/TD/BDS.KC ngày 28/12/2022; phù hợp với quy định tại Điều 463, Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, Điều 11 Quy chế cho vay ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng N1 nên có căn cứ chấp nhận.

Đối với hợp đồng thẻ tín dụng: Tiền lãi và phí tính từ ngày 06/8/2023 đến ngày 28/5/2024, bà C còn phải trả là 6.913.290 đồng phù hợp với thỏa thuận trong hợp đồng thẻ tín dụng V02800872061 ngày 28/12/2022, Điều 463, Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, Điều 11 Quy chế cho vay ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng N1 nên có căn cứ chấp nhận.

[5] Xét giao dịch bảo đảm tại hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 475/22/TC/BDS.KC ngày 28/12/2022, thế chấp đối với phần đất diện tích 142,4m² thuộc thửa đất số 236, tờ bản đồ số 64, đất tọa lạc tại phường H, thành phố T, tỉnh

Bình Dương theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CD544666, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 29/9/2016 mang tên bà Dương Thị Mỹ H1, cập nhật đăng ký biến động cho bà Trần Thị C ngày 14/12/2022 và tài sản trên đất; và đối với phần đất diện tích 175,3m² thuộc thửa đất số 276, tờ bản đồ số 64, đất tọa lạc tại phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CU 038919, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 13/01/2020 mang tên bà Dương Thị Mỹ H1, cập nhật đăng ký biến động cho bà Trần Thị C ngày 14/12/2022 và tài sản trên đất. Cả hai tài sản được ghi nhận tại hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 475/22/TC/BDS.KC ngày 28/12/2022 công chứng tại Văn phòng C1. Đăng ký giao dịch đảm bảo tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố T, tỉnh Bình Dương ngày 28/12/2022 để đảm bảo cho Hợp đồng cho vay số 475/22/TD/BDS.KC ngày 28/12/2022 là phù hợp với quy định pháp luật. Do đó, trường hợp bà Trần Thị C không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ các khoản nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần N thì ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi khoản nợ. Trong trường hợp bà C không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án tiến hành kê biên, xử lý các tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ.

Từ những phân tích trên, xét thấy đề nghị của nguyên đơn, đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp, có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí sơ thẩm: Bị đơn trên 60 tuổi được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 147, Khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 266, Điều 271 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 463, Điều 688 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành kèm theo Quyết định 1627/2001/QĐ-NHNN, ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng N1 và Quyết định 127/2005/QĐ-NHNN, ngày 03/2/2005 của Thống đốc Ngân hàng N1 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng; Quyết định số 783/2005/QĐ-NHNN ngày 31/5/2005 của Thống đốc Ngân hàng N1 về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN, ngày 03/2/2005; Quyết định số 16/2008/QĐ-NHNN, ngày 16/5/2008, của Thống đốc Ngân hàng N1 về cơ chế điều hành lãi suất cơ bản đồng Việt Nam;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần N đối với bà Trần Thị C về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Đối với Hợp đồng tín dụng 475/22/TD/BDS.KC ngày 28/12/2022, buộc bà Trần Thị C thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần N số tiền theo dư nợ: 2.292.800.000 đồng, trong đó, nợ gốc quá hạn là 146.400.000 đồng, nợ lãi là 174.242.576 đồng, lãi phạt là 2.559.753 đồng.

Kể từ ngày 29/5/2024, buộc bà Trần Thị C tiếp tục thanh toán phần nợ lãi phát sinh tính theo lãi suất quá hạn được thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số 475/22/TD/BDS.KC ngày 28/12/2022 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Sau khi bà Trần Thị C thanh toán xong các khoản nợ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần N có trách nhiệm trả lại cho bà Trần Thị C bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất diện tích 142,4m² thuộc thửa đất số 236, tờ bản đồ số 64, đất tọa lạc tại phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CD544666, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 29/9/2016 mang tên bà Dương Thị Mỹ H1, cập nhật đăng ký biến động cho bà Trần Thị C ngày 14/12/2022 và tài sản trên đất; đối với phần đất diện tích 175,3m² thuộc thửa đất số 276, tờ bản đồ số 64, đất tọa lạc tại phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CU 038919, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 13/01/2020 mang tên bà Dương Thị Mỹ H1, cập nhật đăng ký biến động cho bà Trần Thị C ngày 14/12/2022 và tài sản trên đất.

Trường hợp bà Trần Thị C không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ các khoản nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần N thì ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi khoản nợ là quyền sử dụng đất đối với phần đất diện tích 142,4m² thuộc thửa đất số 236, tờ bản đồ số 64, đất tọa lạc tại phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CD544666, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 29/9/2016 mang tên bà Dương Thị Mỹ H1, cập nhật đăng ký biến động cho bà Trần Thị C ngày 14/12/2022 và tài sản trên đất; và đối với phần đất diện tích 175,3m² thuộc thửa đất số 276, tờ bản đồ số 64, đất tọa lạc tại phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CU 038919, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 13/01/2020 mang tên bà Dương Thị Mỹ H1, cập nhật đăng ký biến động cho bà Trần Thị C ngày 14/12/2022 và tài sản trên đất. Cả hai tài sản được ghi nhận tại hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 475/22/TC/BDS.KC ngày 28/12/2022 công chứng tại Văn phòng C1. Đăng ký giao dịch đảm bảo tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố T, tỉnh Bình Dương ngày 28/12/2022 để đảm bảo cho Hợp đồng cho vay số 475/22/TD/BDS.KC ngày 28/12/2022 để thu hồi toàn bộ số tiền nợ gốc và nợ lãi phát sinh của Hợp đồng tín

dụng 475/22/TD/BDS.KC ngày 28/12/2022.

Đối với Hợp đồng thế tín dụng số hợp đồng V02800872061 ngày 28/12/2022, buộc bà Trần Thị C thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần N tổng số tiền: 47.487.328 đồng, trong đó, nợ gốc là 40.574.038 đồng, nợ lãi là 4.644.571 đồng và phí phạt là 2.268.719 đồng. Kể từ ngày 29/5/2024, bà Trần Thị C tiếp tục thanh toán phần nợ lãi, phí phạt phát sinh tính theo lãi suất quá hạn được thỏa thuận tại Hợp đồng thế tín dụng số V02800872061 ngày 28/12/2022 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Trần Thị C không phải nộp án phí.

- Ngân hàng Thương mại Cổ phần N không phải nộp án phí; Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thủ Dầu Một hoàn trả cho Ngân hàng thương mại Cổ phần N số tiền 40.441.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền ký hiệu BLTU/23 số 0004199 ngày 31/01/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

Chi phí xem xét thẩm định: Bà Trần Thị C phải chịu 1.500.000 đồng để trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần N.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND TP. Thủ Dầu Một;
- CC THADS TP. Thủ Dầu Một;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hồng Thắm

